

Số: /2025/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, công chức cấp xã, viên chức; nâng ngạch công chức; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG KHOÁ , KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 và Luật Viên chức số 58/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 138/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân tỉnh về việc quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, công chức cấp xã, viên chức; nâng ngạch công chức; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, công chức cấp xã, viên chức; nâng ngạch công chức; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị tổ chức tuyển dụng công chức, công chức cấp xã, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc chi trả chế độ được tính theo thời gian thực tế thực hiện nhiệm vụ trong các kỳ tuyển dụng công chức, công chức cấp xã, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

2. Trường hợp các đối tượng nêu tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ trong cùng thời điểm, thì được hưởng 01 mức chi cao nhất.

3. Các khoản chi phát sinh theo thực tế phục vụ công tác tổ chức tuyển dụng công chức, công chức cấp xã, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh, không quy định mức chi tại văn bản này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thực tế hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán được giao.

Điều 3. Nội dung chi, định mức chi

Nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, công chức cấp xã, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Hải Dương được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Các đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ mức độ tự chủ tài chính, nguồn tài chính của đơn vị và quy định mức chi tại Nghị quyết này để quyết định mức chi tại đơn vị và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện được ngân sách nhà nước bảo đảm, theo phân cấp và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

2. Nguồn thu phí dự tuyển được trích lại.

3. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Khóa ..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để báo cáo);
- Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TV Tỉnh ủy;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Hải Dương, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

PHỤ LỤC

Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, công chức cấp xã, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

STT	Nội dung	Mức chi (đơn vị tính: đồng)	Đơn vị tính
I	Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng, xây dựng đề thi/xét, in sao đề thi; thuê địa điểm tổ chức ôn tập, tổ chức thi/xét; Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, nguyên vật liệu, vật tư, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi/xét, chấm thi và các khoản chi phục vụ hoạt động của Hội đồng và các Ban Giúp việc (nếu có)	Chi theo thực tế	
II	Tổ chức các cuộc họp và làm việc của Hội đồng và các Ban giúp việc (chuẩn bị kỳ thi/xét và tổ chức kỳ thi/xét)	200.000	Người/ngày
III	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Ban Giám sát kỳ thi/xét		
1	Chủ tịch Hội đồng, Trưởng Ban	600.000	Người/ngày
2	Phó Chủ tịch Hội đồng, Phó Trưởng ban	450.000	Người/ngày
3	Ủy viên, thư ký, thành viên	350.000	Người/ngày
IV.	Tiền công các chức danh là thành viên các Ban Giúp việc Hội đồng (Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban Chấm thi, Ban Chấm phúc khảo, Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban Kiểm tra sát hạch, Ban Thẩm định hồ sơ thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Tổ In sao đề thi, Tổ thư ký giúp việc...) trong thời gian thực thể thực hiện nhiệm vụ		
4.1	Trưởng Ban, Tổ trưởng	600.000	Người/ngày
4.2	Phó Trưởng Ban, Tổ phó	450.000	Người/ngày
4.3	Thành viên, Thư ký	350.000	Người/ngày
V	Chi xây dựng đề thi và đáp án (đối với thi tự luận và đáp án)		
1	Ra đề đề xuất với đề thi tự luận	600.000	Đề

2	Tiền công ra đề chính thức, dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm (theo ngày thực tế ra đề) đối với đề trắc nghiệm, phỏng vấn	600.000	Đề
VI	Chi xây dựng đề thi và đáp án (đối với thi trắc nghiệm, phỏng vấn)		
1	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	60.000	câu
2	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	50.000	câu
3	Chỉnh sửa lại các câu hỏi, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	35.000	câu
VII	Tiền công chấm thi		
1	Chi cho người chấm thi/phúc khảo bài thi tự luận, bài thi thực hành, bài thi nói	600.000	Người/ngày
2	Chi cho người chấm thi/phúc khảo bài thi trắc nghiệm	600.000	Người/ngày
VIII	Tiền công tham gia bộ phận phục vụ		
1	Nhân viên kỹ thuật, công an, y tế, bảo vệ làm việc khu cách ly (vòng trong)	200.000	Người/ngày
2	Nhân viên phục vụ, vệ sinh, bảo vệ làm việc (vòng ngoài), lái xe và bộ phận chuyển đề...	200.000	Người/ngày